

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn 1 (224003) - Nhóm 02

- Thi Viết: - Thi Vấn đáp: Tổ: 001

Ngày thi: 29/06/2022 Số SV có mặt: 28 Ngày thi: 27/06/2022 Số SV có mặt: 28

Giờ thi: 07:30 Số bài thi: 09:45 Số bài thi: 09:45

Phòng thi: A201 Số tờ giấy thi: 38 Phòng thi: A501 Số tờ giấy thi: 0000

Mã nhận dạng: 002508

Trang : 2/3

Cán bộ coi thi 1 <i>Đỗ Văn Sơn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>gmmr</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Việt <i>Nguyễn Minh Việt</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Việt <i>Nguyễn Minh Việt</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Nguyễn Minh Việt</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Nguyễn Minh Việt</i>
---------------------------------------	---------------------------------	--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Điểm 60%	Đ.Điểm 40%	Điểm HP	Tổ đàm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đàm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121120328	LÊ THỊ KIM	10/09/2003	CCQ2112J	132	Kim 68	Kim 80	74	74	74	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2121120378	NGUYỄN THỊ TUYẾT	19/10/2003	CCQ2112K	208	Như 60	Như 75	68	72	72	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2121120395	PHẠM HỒ THIÊN	17/05/2003	CCQ2112L							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2121210064	ĐẶNG THỊ QUỲNH	24/03/2003	CCQ2121B	481	Như 65	Như 72	69	70	69	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2121120114	NGUYỄN HOÀI	10/05/2002	CCQ2112D							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2121200067	TRƯƠNG ĐỨC	21/05/2003	CCQ2120B	357	Đức 69	Đức 81	75	87	80	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2121170130	TRẦN THÀNH	02/11/2003	CCQ2117D					40		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2121190059	ĐẶNG TOÀN	11/09/2003	CCQ2119B	132	Quoc 63	Quoc 73	68	81	73	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2121120127	TRẦN THỊ THU	25/07/2003	CCQ2112D	481	Son 68	Son 66	67	86	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	2121170474	TRẦN HỮU	11/11/2003	CCQ2117N							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	2121260086	HUỠNH MINH	28/11/2002	CCQ2126C							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	2121120576	NGUYỄN THỊ THANH	28/07/2003	CCQ2112Q	132	Thanh 73	Thanh 80	77	79	78	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	2121260070	ĐỖ THỊ BÍCH	28/03/2002	CCQ2120B							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	2121200021	NGUYỄN NHƯ	21/06/2003	CCQ2120A	357	Như 67	Như 45	56	76	64	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	2121260057	MAI THỊ MỸ	27/06/2003	CCQ2126B	209	Mai 54	Mai 40	47	49	48	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	2121190144	PHẠM MINH	08/12/2002	CCQ2119A	132	Minh 71	Minh 84	78	76	77	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
37	2121200056	ĐÀO THỊ THÚY	29/11/2003	CCQ2120B	132	Trang 32	Trang 68	50	45	48	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	2121200132	HỒ THỊ THU	04/11/2003	CCQ2120D	208	Thu 71	Thu 80	76	78	77	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	2121120247	NGUYỄN NGỌC QUẾ	03/06/2003	CCQ2112H	357	Quoc 71	Quoc 73	74	91	81	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	2121120029	ĐUÔI THỊ DIỄM	23/06/2003	CCQ2112A							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Anh văn 1 (224003) - Nhóm 02**

- Thi Viết: - Thi Vấn đáp:

Ngày thi: **29/06/2022** Số SV có mặt: **28**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **28**

Phòng thi: **A201** Số tờ giấy thi: **28**

Tổ: **001**

Ngày thi: **27/06/2022** Số SV có mặt: **28**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **28**

Phòng thi: **A501** Số tờ giấy thi: **28**

Mã nhận dạng: **002508**

Trang : 3/3

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viễn chấm thi 1 Môn Viết	G.Viễn chấm thi 2 Môn Viết	G.Viễn chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G.Viễn chấm thi 2 Môn Vấn đáp
<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>
Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viễn chấm thi 1 Môn Viết	G.Viễn chấm thi 2 Môn Viết	G.Viễn chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G.Viễn chấm thi 2 Môn Vấn đáp
<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.ĐT 40%	Đ.ĐT 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121200041	ĐINH HỒNG	12/12/2003	CCQ2120B	132	Tinh	47	Tinh	60	52	54	53	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	2121200044	NGUYỄN TÚ	01/06/2003	CCQ2120B	208	Tinh	57	Tinh	80	87	69	76	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	2121170556	PHÙNG VẤN	20/06/2003	CCQ2117P	357	Tinh	29	Tinh	57	71	43	54	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	2121200036	PHẠM THỊ CẨM	14/08/2003	CCQ2120B	481	Tú	62	Tú	72	60	67	64	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	2121120091	LÊ NGUYỄN MINH	10/03/2003	CCQ2112C	132	Tuyên	73	Tuyên	74	87	74	79	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	2121120136	TRẦN THỊ KIM	07/01/2002	CCQ2112D	208	Tú	57	Tú	80	83	69	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	2121200062	TRẦN THỊ KIM	16/09/1998	CCQ2120B	557	Tú	88	Tú	88	84	86	85	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	2121120569	LÊ THỊ THANH	05/02/2003	CCQ2112Q	481	Tú	69	Tú	76	87	73	79	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

C. Lê Thảo

Đ: 20

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn 1 (224003) - Nhóm 04

- Thi Viết: - Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 29/06/2022 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 07:30 Số bài thi: 2

Phòng thi: A205 Số tờ giấy thi: 2

Mã nhận dạng: 002509

Trang: 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1 Môn Viết	G. Viên chấm thi 2 Môn Viết	G. Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G. Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	V. đáp (50%) Chữ ký	Đ. Thi 60%	Đ. QT 40%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121100059	MAI PHƯƠNG	21/07/2003	CCQ2110B	132			72	80	75		
2	2121060023	NGUYỄN VĂN CHÁNH	30/03/2003	CCQ2106A	208			41	66	51		
3	2121060002	HUYỀN QUỐC CÔNG	08/06/2003	CCQ2106A	357			65	74	68		
4	2121060034	PHẠM XUÂN DUY	22/03/2003	CCQ2106A	481			70	74	72		
5	2119170277	VÕ TRƯỜNG GIANG	14/07/2000	CCQ1917I								
6	2121100058	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	21/09/2003	CCQ2110B	208			49	79	57		
7	2121100030	TRƯƠNG THỊ THU HIỀN	07/09/1997	CCQ2110A	557			62	65	63		
8	2121060035	ĐẶNG THANH HIẾU	17/08/2003	CCQ2106A	481			68	84	74		
9	2121140039	TRẦN VĂN HIẾU	05/06/2003	CCQ2114A	132			50	62	55		
10	2121100051	PHẠM THỊ BÍCH HÒA	20/02/2003	CCQ2110B	208			72	86	77		
11	2121100014	VÕ THỊ HÒA	10/04/2003	CCQ2110A	357			59	86	70		
12	2119150072	NGUYỄN MINH HƯNG	30/06/2001	CCQ1920H	481			66	69	67		
13	2121060004	VÕ KHÁNH HƯNG	25/10/2003	CCQ2106A	132			47	76	59		
14	2121100010	BÙI ĐOÀN THUY LINH	05/02/2003	CCQ2110A	208			82	85	83		
15	2121120525	NGUYỄN THỊ THU LINH	16/08/2003	CCQ2112O	357			70	80	74		
16	2121200194	TRẦN THỊ THƯƠNG MẾN	30/07/2003	CCQ2120F	481			62	81	70		
17	2121120598	NGUYỄN THUY NGÂN	26/10/2003	CCQ2112R								
18	2121210106	HỒ THỊ BÍCH NGỌC	01/05/2003	CCQ2121D	208			63	85	72		
19	2121060009	NGUYỄN VĂN NHẬT	08/10/2003	CCQ2106A	357			44	68	53		
20	2121100028	NGUYỄN ĐỖ THẢO NHI	20/09/2003	CCQ2110A	481			70	81	74		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn 1 (224003) - Nhóm 04

Tổ: 001

- Thi Viết: - Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 29/06/2022 Số SV có mặt: 20

Ngày thi: 27/06/2022 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 07:30 Số bài thi: 2.0

Giờ thi: 09:45 Số bài thi: 2.0

Phòng thi: A205 Số tờ giấy thi: 2.0

Phòng thi: A502 Số tờ giấy thi: 2.0

Mã nhận dạng: 002509

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Viết (50%) Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	V.đáp (50%) Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.ĐT 40%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121100068	NGUYỄN NGỌC TUYẾT	24/12/2003	CCQ2110B	208		38		64	51	84	64		
22	2121100027	NGUYỄN THỊ TUYẾT	10/04/2003	CCQ2110A										
23	2121100017	NGUYỄN THỊ HỒNG	05/12/2002	CCQ2110A										
24	2118120316	HỒ THỊ MỸ	30/10/2000	CCQ1812D										
25	2121120083	NGUYỄN MẠNH QUÂN	24/12/2003	CCQ2112C	132		70		74	72	89	79		

C. Lê Thảo (34)

Đ 24
H.0

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn 1 (224003) - Nhóm 04

- Thi Viết: Ngày thi: 29/06/2022 Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 07:30 Số bài thi: 01

Phòng thi: A302 Số tờ giấy thi: 24

Mã nhận dạng: 002510

Trang: 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1 Môn Viết	G. Viên chấm thi 2 Môn Viết	G. Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G. Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	V.đáp (50%) Chữ ký	Đ.điểm (50%) Điểm	Đ. Thi 60%	Đ. QT 40%	Điểm HP	Tổ dạng vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ dạng vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121120096	NGUYỄN THỊ NHƯ	26/11/2003	CCQ2112C	208			7.6	71	85	76		
2	2121120644	NGUYỄN THANH	24/10/2003	CCQ2112H	481			6.5	65	80	71		
3	2121120512	LÊ PHƯỚC	07/09/2003	CCQ2112O									
4	2121210052	NGUYỄN THỊ NHÃN	02/04/2003	CCQ2121D	357			8.4	74	96	88		
5	2121100006	TRẦN TUỆ	05/09/2003	CCQ2110A	208			7.0	69	83	74		
6	2121060025	PHẠM ĐO QUỐC	31/10/2003	CCQ2106A	357			8.6	69	50	61		
7	2121200146	ĐINH HỮU	27/12/2003	CCQ2120E	481			8.2	75	78	76		
8	2121210053	NGUYỄN NGỌC	03/07/2003	CCQ2121D	132			8.6	84	98	89		
9	2121100054	NGUYỄN THỊ	20/02/2003	CCQ2110B	208			7.0	68	82	73		
10	2121200156	PHAN THỊ THANH	18/09/2003	CCQ2120E	357			6.2	60	80	68		
11	2121100065	ĐÀO THỊ MINH	15/01/2003	CCQ2110B	481			6.6	53	67	58		
12	2121120106	NGUYỄN MỸ	04/12/2003	CCQ2112D	132			6.2	54	53	53		
13	2121100008	PHẠM THỊ ANH	27/11/2003	CCQ2110A	208			5.2	52	77	69		
14	2121200172	KIỀU NGUYỄN ANH	12/11/2003	CCQ2120E	357			7.2	77	89	82		
15	2121060013	PHAN QUỐC	06/02/2002	CCQ2106A	481			7.8	68	66	67		
16	2121100032	NGUYỄN THỊ HUỖN	18/03/2003	CCQ2110A	132			6.2	50	67	57		
17	2121100050	NGUYỄN THỊ NGỌC	26/06/2003	CCQ2110B	208			8.0	70	84	75		
18	2121200153	HỒ THỊ THANH	10/02/2003	CCQ2120E	357			8.0	84	94	88		
19	2121170440	NGUYỄN XUÂN	09/05/2003	CCQ2117M									
20	2121170400	NGUYỄN ĐĂNG	09/04/2003	CCQ2117L	132			6.2	51	62	55		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn 1 (224003) - Nhóm 04

- Thi Viết: - Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 29/06/2022 Số SV có mặt: 24 Ngày thi: 27/06/2022 Số SV có mặt:
Giờ thi: 07:30 Số bài thi: 24 Giờ thi: 09:45 Số bài thi:
Phòng thi: A302 Số tờ giấy thi: 24 Phòng thi: A502 Số tờ giấy thi:

Tổ: 002

Mã nhận dạng: 002510

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1 Môn Viết	G. Viên chấm thi 2 Môn Viết	G. Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G. Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ. Thi 60%	Đ. QT 40%	Điểm HP	Tổ dặm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ dặm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121100020	TRẦN ĐĂNG MỸ	13/05/2003	CCQ2110A	208	1102	54	THAO	55	55	75	63	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120170764	LÊ THÁI	23/09/2002	CCQ2017E	357	2	67	2	62	65	82	72	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121060033	PHAN LONG	19/11/2003	CCQ2106A	484	16	60	16	86	73	67	71	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121060021	HUYỀN NGỌC	15/02/2003	CCQ2106A	132	40	40	40	62	51	52	51	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121100002	TRẦN PHẠM NHƯ	12/05/2003	CCQ2110A	481	58	58	58	64	61	71	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

26. 2121100044 Nguyễn Thị Hải Yến 12/10/2003 CCQ2110B 484 41 48 54 48 65 55 132

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Anh văn 1 (224003) - Nhóm 06**

- Thi Viết: - Thi Vấn đáp:

Ngày thi: **29/06/2022** Số SV có mặt:
Giờ thi: **07:30** Số bài thi:
Phòng thi: **A304** Số tờ giấy thi:
Ngày thi: **27/06/2022** Số SV có mặt:
Giờ thi: **09:45** Số bài thi:
Phòng thi: **A503** Số tờ giấy thi:

Tổ: **001**

Mã nhận dạng: **002511**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan Thị Ngọc</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Hiền</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Nguyễn Thị Hiền</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Nguyễn Thị Hiền</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp <i>Nguyễn Thị Hiền</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp <i>Nguyễn Thị Hiền</i>
--	--	---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ. Thi 60%	Đ. QT 40%	Điểm HP	Tổ dặm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ dặm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119270252	PHẠM THÀNH LỘC	07/08/2000	CCQ1927H	357	<i>Phạm Thành Lộc</i>	86	<i>Phạm Thành Lộc</i>	63	75	83	78	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2121110179	BÁ QUANG LUÂN	05/02/2003	CCQ2111F	208	<i>Bá Quang Luân</i>	58	<i>Bá Quang Luân</i>	64	61	60	61	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2121110172	HUYỀN VÂN LUÂN	07/09/2003	CCQ2111E									(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2121110169	DƯƠNG HỒNG LUYẾN	12/10/2002	CCQ2111E	132	<i>Dương Hồng Luyến</i>	94	<i>Dương Hồng Luyến</i>	64	59	78	67	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2121110185	NGUYỄN TIẾN MUỘI	12/07/2003	CCQ2111F	132	<i>Nguyễn Tiến Muội</i>	46	<i>Nguyễn Tiến Muội</i>	13	30	76	48	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2121110162	CÙ THANH NAM	22/06/2003	CCQ2111E	357	<i>Cù Thanh Nam</i>	46	<i>Cù Thanh Nam</i>	65	56	86	68	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Đ: 10
H: 04

T. Thuận

36

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn 1 (224003) - Nhóm 06

Tổ: 002

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/06/2022 Số SV có mặt: 12

Giờ thi: 07:30 Số bài thi: 12

Phòng thi: A305 Số tờ giấy thi: 12

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 27/06/2022 Số SV có mặt: 14

Giờ thi: 09:45 Số bài thi: 12

Phòng thi: A503 Số tờ giấy thi: 12

Mã nhận dạng: 002512

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1 Môn Viết	G. Viên chấm thi 2 Môn Viết	G. Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G. Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mà đề	Viết (50%) Chữ ký	Vấn đáp (50%) Chữ ký	Đ. Đáp (50%) Điểm	Đ. Thi 60%	Đ. QT 40%	Điểm HP	Tổ dặm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ dặm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110202	TRỊNH QUANG	26/03/2003	CCQ2111F	432	Nam	Nam	0	19	79	43	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121110303	ĐẶNG VĂN	05/08/2003	CCQ2111F								V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121110170	PHẠM HỮU	14/09/2003	CCQ2111E								V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121110155	LÊ QUỐC	30/11/2003	CCQ2111E	208	Như	Như	48	50	48	61	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121110342	TRẦN ĐẶNG QUỲNH	02/12/2003	CCQ2112J	357	Như	Như	43	40	42	50	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121110166	LÊ VĂN	26/02/2003	CCQ2111E								V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121110357	DUYNG MINH	03/08/2003	CCQ2111F								V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121110184	PHẠM VĂN	17/11/2002	CCQ2111F	208	Như	Như	45	51	48	57	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119170264	MAC XUÂN	02/04/2001	CCQ1917H	357	Quỳnh	Quỳnh	56	46	51	70	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2118120806	LÊ KHÁNH	04/10/2000	CCQ1812LA	481	Sang	Sang	65	82	74	83	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121110156	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	04/05/2003	CCQ2111E								V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121110160	NGUYỄN HỮU	14/05/2003	CCQ2111E	208	Như	Như	31	62	47	51	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121110187	TRẦN LÂM	27/11/2002	CCQ2111F								V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121110385	ĐẶNG QUỐC	03/07/2002	CCQ2111F								V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121110192	NGUYỄN NGỌC	08/06/2003	CCQ2111F								V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2119190124	NGUYỄN VĂN	20/04/2001	CCQ1919D	357	Như	Như	51	40	46	71	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121110194	HỒ MINH	29/10/2003	CCQ2111F								V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121110295	PHAN THỊ NGỌC	30/09/2003	CCQ2112I	208	Như	Như	52	73	63	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121110171	TRẦN THANH	11/05/2003	CCQ2111E								V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121110200	HÀ NGỌC	10/01/2003	CCQ2111F	357	Như	Như	67	56	62	81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

In : 15/06/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn 1 (224003) - Nhóm 06

- Thi Viết:

Ngày thi: 29/06/2022 Số SV có mặt: 12

Giờ thi: 07:30 Số bài thi: 12

Phòng thi: A305 Số tờ giấy thi: 12

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 27/06/2022 Số SV có mặt: 002

Giờ thi: 09:45 Số bài thi: 002

Phòng thi: A503 Số tờ giấy thi: 002

Mã nhận dạng: 002512

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1 Môn Viết	G. Viên chấm thi 2 Môn Viết	G. Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G. Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp
 Nguyễn Văn Nhân	 Đào Thị Diệu	 Nguyễn Minh Tuấn	 Nguyễn Minh Tuấn	 Nguyễn Minh Tuấn	 Nguyễn Minh Tuấn

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Viết (50%) Điểm	V. đáp (50%) Chữ ký	V. đáp (50%) Điểm	Đ. Thi 60%	Đ. QT 40%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121110165	PHAN VĂN TÍN	08/02/2003	CCQ2111E									0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120120722	TRƯƠNG DUY TÍNH	09/07/2002	CCQ2012Q									0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121120390	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG TRÚC	17/10/2002	CCQ2112L	481	trục	73	trục	87	80	91	84	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121110148	TRỊNH QUỐC TRUNG	18/08/2003	CCQ2111E									0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120170774	NGÔ ĐỨC TÚ	07/01/2002	CCQ2017I									0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121110154	NGUYỄN THỊ THUY VI	28/11/2003	CCQ2111E	481	trục	48	trục	92	40	60	48	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Anh văn 1 (224003) - Nhóm 08**

Tổ: **001**

- Thi Viết: - Thi Vấn đáp:

Ngày thi: **29/06/2022** Số SV có mặt: **20** Ngày thi: **27/06/2022** Số SV có mặt: **20**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **20** Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **20**

Phòng thi: **D6-35** Số tờ giấy thi: **20** Phòng thi: **A505** Số tờ giấy thi: **20**

Mã nhận dạng: 002513

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1 Môn Viết	G. Viên chấm thi 2 Môn Viết	G. Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G. Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Viết (50%) Chữ ký	V.đáp (50%) Chữ ký	Đ. Thi 60%	Đ. QT 40%	Điểm HP	Tổ dặm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ dặm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121170494	HUYỀN HỒ	30/09/2003	CCQ21170	357	An	75	An	75	71	73		
2	2121190075	NGUYỄN HOÀI	24/02/2003	CCQ2119C	481	Tuân	67	Tuân	65	52	60		
3	2120170322	NGUYỄN TRÍ	24/12/2002	CCQ2017J									
4	2121170522	NGUYỄN TẤN	16/04/2002	CCQ21170									
5	2120170147	ĐĂNG ANH	07/12/2002	CCQ2017E									
6	2121170032	ĐĂNG NGỌC HUY	28/04/2003	CCQ2117A									
7	2121170496	PHẠM TRỌNG	12/09/2003	CCQ21170									
8	2120170607	NGUYỄN TẤN	26/01/2002	CCQ2014B									
9	2121120218	NGUYỄN HOÀI	01/03/2003	CCQ2112G									
10	2121120212	VÕ ÁI PHƯƠNG	28/08/2003	CCQ2112G									
11	2121120264	NGUYỄN VĂN	02/10/2002	CCQ2112H									
12	2121170022	LƯU NGỌC	26/12/2003	CCQ2117A									
13	2121170499	LÊ VĂN	15/09/2001	CCQ21170									
14	2120260194	NGUYỄN THỊ THUY	15/07/2002	CCQ2026F									
15	2121120242	TRẦN THỊ MỸ	02/02/2003	CCQ2112G	189	Thy	51	Thy	55	54	53		
16	2121120231	TRẦN VĂN	14/01/2003	CCQ2112G									
17	2121120505	NGUYỄN THỊ YẾN	12/10/2003	CCQ21120	208	Nhi	33	Nhi	43	38	57	46	
18	2121190041	NGUYỄN THỊ MỸ	09/06/2003	CCQ2119B	357	Canh	64	Canh	61	63	74	67	
19	2121170492	ĐỖ THÀNH	25/03/2003	CCQ21170	481	Phước	66	Phước	54	60	54	58	
20	2121190063	TRẦN THỊ DIỄM	05/11/2003	CCQ2119B	481	Quỳnh	79	Quỳnh	76	78	92	84	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn 1 (224003) - Nhóm 08

- Thi Viết: - Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 29/06/2022 Số SV có mặt: 22
Giờ thi: 07:30 Số bài thi: 20
Phòng thi: D6-35 Số tờ giấy thi: 20

Tổ: 001

Mã nhận dạng: 002513

Trang: 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1 Môn Viết	G. Viên chấm thi 2 Môn Viết	G. Viên chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G. Viên chấm thi 2 Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	V.đáp (50%) Chữ ký	Đ.điểm (50%)	Đ. Thi 60%	Đ. QT 40%	Điểm HP	Tổ chấm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ chấm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121060042	TỔ VĂN	01/02/2003	CCQ2106B	132	Sơn	44	37	41	59	48	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	2121170379	NGUYỄN TRUNG	03/08/2003	CCQ2117K	208	Thành	85	69	77	60	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	2121130036	LÊ THỊ THU	30/12/2003	CCQ2113B	357	Thảo	77	70	74	90	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	2121190065	TRƯƠNG NGỌC THANH	10/05/2003	CCQ2119B	481	Thảo	81	81	81	95	87	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	2121190077	ĐOÀN MẠNH	27/04/2003	CCQ2119C								(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	2121120252	NGUYỄN THÀNH	20/10/2003	CCQ2112H						40		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	2121170571	TRẦN VĂN	22/01/2003	CCQ2117Q	208	Th	36	48	42	66	52	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	2121170508	VÕ MINH	30/06/1998	CCQ2117O								(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	2121120270	NGUYỄN Ý	14/10/2003	CCQ2112H	357	Th	55	52	54	48	52	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	2121120325	QUÁCH THỊ HẠNH	27/08/2003	CCQ2112J	481	Th	56	74	60	56	58	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	2120170309	LÊ THANH	09/08/2002	CCQ2017I						11		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	2121130038	NGÔ THỊ THÚY	03/05/2003	CCQ2113B	132	Trần	85	76	81	96	87	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
33	2121120267	NGUYỄN PHƯƠNG	15/09/2003	CCQ2112H	208	Trần	67	67	54	67	47	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	2120170169	PHAN HỒNG	25/09/2002	CCQ2017E								(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	2121120471	BÙI THỊ NGỌC	19/04/2003	CCQ2112N	132	Vy	82	66	74	76	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	2121120251	NGUYỄN SONG HOÀI	01/11/2003	CCQ2112H						44		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	2121130022	ĐẠO THỊ NHƯ	11/02/2003	CCQ2113A	208	nh	72	50	61	73	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	2121120266	TRẦN THỊ NHƯ	18/11/2003	CCQ2112H	357	Th	70	72	74	90	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	2121120260	NGUYỄN PHƯƠNG	31/07/2003	CCQ2112H	132	Yên	69	74	72	72	72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 (Đ) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

C.Loan 38

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn 1 (224003) - Nhóm 12

Thi Viết: Thi Vấn đáp: - Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 29/06/2022 Số SV có mặt: 34
Giờ thi: 07:30 Số bài thi: 09:45
Phòng thi: A206 Số tờ giấy thi: 37 Phòng thi: A506

Mã nhận dạng: 002514

Trang: 1/3

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1 Môn Viết	G. Viên chấm thi 2 Môn Viết	G. Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G. Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ. Thi 60%	Đ. QT 40%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân	#L
1	2121210090	NGÔ ĐÌNH HÙNG	02/02/2002	CCQ2121C	208	Đ	69	Đ	2.5	47	7.5	58	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
2	2121150012	BÙI LONG	16/11/2003	CCQ2115A	307	Đ	59	Đ	4.8	54	7.5	62	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
3	2121120178	NGUYỄN TRƯỜNG CHÂN	27/03/2003	CCQ2112F	481	Đ	82	Đ	4.2	42	5.0	45	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
4	2121210083	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	01/11/2003	CCQ2121C	132	Đ	42	Đ	4.2	42	5.0	45	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
5	2121150032	LÊ VĂN CƯỜNG	28/09/2003	CCQ2115A	208	Đ	46	Đ	4.4	45	5.0	47	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
6	2121150029	TRƯƠNG CÔNG DIỄN	02/12/2002	CCQ2115A	357	Đ	55	Đ	4.8	52	7.9	63	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
7	2121110367	LÂM TẤN ĐẠT	04/02/2003	CCQ2111I	132	Đ	52	Đ	2.5	42	7.5	55	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
8	2121060045	NGUYỄN SỸ THÀNH ĐẠT	13/05/2003	CCQ2106B	481	Đ	57	Đ	4.9	53	8.5	66	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
9	2121120289	TRẦN THỊ NGỌC GIÀU	26/06/2003	CCQ2112I	308	Đ	52	Đ	3.0	41	5.5	47	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
10	2121130063	ĐẶNG THỊ NGỌC HÂN	17/07/2003	CCQ2113A	357	Đ	53	Đ	3.3	43	7.3	55	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
11	2121150001	MẠC DUY HOÀNG	28/07/2003	CCQ2115A	481	Đ	54	Đ	0.0	27	5.5	38	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
12	2121170254	NGUYỄN VĂN HOÀNG	18/05/2000	CCQ1817D									V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
13	2121120596	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	05/05/2003	CCQ2112P	208	Đ	90	Đ	8.4	87	9.2	89	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
14	2121130006	TỔNG THỊ MỸ HUỆ	06/06/2003	CCQ2113A	357	Đ	67	Đ	4.3	55	7.4	63	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
15	2121150011	HOÀNG ĐỨC HUY	09/05/2003	CCQ2115A	481	Đ	24	Đ		12	5.0	27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
16	2121150035	NGUYỄN QUỐC HUY	28/02/2003	CCQ2115A	132	Đ	80	Đ	6.7	74	9.2	81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
17	2121220009	VŨ QUANG HUY	13/07/2003	CCQ2122A	408	Đ	65	Đ	7.3	69	6.8	69	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
18	2121120238	VŨ THỊ NGỌC HUYỀN	18/04/2003	CCQ2112G	357	Đ	65	Đ	7.5	70	5.0	62	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
19	2121150052	LƯU ĐỨC KHANG	10/06/2003	CCQ2115B	481	Đ	56	Đ	6.5	61	5.5	59	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L
20	2121170332	CHÂU NGUYỄN QUỐC KHÁNH	01/01/2003	CCQ2117I	132	Đ	58	Đ	0.0	29	6.2	42	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	#L

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn 1 (224003) - Nhóm 12

- Thi Viết: - Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 29/06/2022 Số SV có mặt: 37 Ngày thi: 27/06/2022 Số SV có mặt: 34
Giờ thi: 07:30 Số bài thi: 37 Giờ thi: 09:45 Số bài thi:
Phòng thi: A206 Số tờ giấy thi: 37 Phòng thi: A506 Số tờ giấy thi:

Tổ: 001

Mã nhận dạng: 002514

Trang : 2/3

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ. Thi 60%	Đ. QT 40%	Điểm HP	Tổ dặm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ dặm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121060039	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	03/12/2003	CCQ2106B	208	Khac	65	Khac	65	3.0	48	7.2	58	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121150036	PHẠM ĐĂNG KHOA	22/07/2003	CCQ2115B	351	Khac	42	Khac	42	7.5	59	7.9	67	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121150019	TRƯƠNG ĐÌNH LINH	09/07/2003	CCQ2115A	481	Khac	38	Khac	38	5.7	48	6.0	53	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121210094	NGUYỄN THỊ NGỌC MỸ	30/04/2003	CCQ2121C	132	Khac	50	Khac	50	5.0	50	8.0	62	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120030015	LÊ HOÀI NAM	30/06/2002	CCQ2003A								0.0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121120227	NGÔ THỊ NGUYỄN	10/03/2003	CCQ2112G	351	Khac	50	Khac	50	7.0	61	7.2	65	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121060008	NGUYỄN THÁI NGUYỄN	24/06/2003	CCQ2106A								1.0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2119170590	PHAN TRẦN CÔNG NGUYỄN	30/08/2001	CCQ1917Q								0.0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121210115	VÕ THỊ NHƯ NGUYỄN	16/09/2003	CCQ2121C	208	Khac	65	Khac	65	7.0	68	8.0	73	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121150049	TRẦN DANH NHÂN	27/02/2003	CCQ2115B	351	Khac	59	Khac	59	6.6	59	6.7	62	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121210104	PHẠM THỊ YẾN NHI	20/11/2003	CCQ2121C								0.0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121200061	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	09/07/2001	CCQ2120B								0.0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121150016	LÃNG MINH PHƯƠNG	20/01/2003	CCQ2115A	208	Khac	30	Khac	30	15	10	13		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121150047	ĐÀO DUY THÁI	24/11/2003	CCQ2115B	351	Khac	57	Khac	57	7.2	65	7.5	69	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121210105	LÊ HỒ MINH THƠ	21/11/2003	CCQ2121C	181	Khac	47	Khac	47	4.0	44	5.0	49	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2119050029	NGUYỄN THANH TÌNH	03/04/2001	CCQ1905A								5.0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2121150041	NGUYỄN HỮU TỒN	14/12/2003	CCQ2115B	208	Khac	54	Khac	54	5.8	56	6.5	69	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2121210071	PHAN THỊ NGỌC TRẦN	11/09/2003	CCQ2121C	351	Khac	59	Khac	59	6.2	61	7.8	68	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2119190129	TRẦN TRỊNH LAM TRƯỜNG	15/05/1999	CCQ1919D	181	Khac	51	Khac	51	2.4	38	5.0	43	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2121120330	HỒ QUỐC TUẤN	30/03/2001	CCQ2112J	132	Khac	58	Khac	58	7.6	67	5.0	59	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Anh văn 1 (224003) - Nhóm 12**

- Thi Viết: - Thi Vấn đáp:

Ngày thi: **29/06/2022** Số SV có mặt: **37** Ngày thi: **27/06/2022** Số SV có mặt: **34**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **37** Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **37**

Phòng thi: **A206** Số tờ giấy thi: **37** Phòng thi: **A506** Số tờ giấy thi: **37**

Tổ: **001**

Mã nhận dạng: **002514**

Trang : 3/3

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viễn chấm thi 1 Môn Viết	G.Viễn chấm thi 2 Môn Viết	G.Viễn chấm thi 1 Môn Vấn đáp	G.Viễn chấm thi 2 Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Viết (50%) Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	V.đáp (50%) Điểm	Đ. Thi 60%	Đ. QT 40%	Điểm HP	Tổ dặm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ dặm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121130016	TRẦN THỊ MINH	04/01/2003	CCQ2113A	208		65		5.2	59	7.7	60	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2121270087	HUỖNH VĂN	25/04/2002	CCQ2127C	357		23		5.9	41	7.7	59	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2121150015	TRẦN XUÂN	27/08/2003	CCQ2115A	484		44		6.0	52	5.9	55	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2121210077	LÊ THỊ TƯỜNG	22/02/2003	CCQ2121D	132		62		6.1	62	6.2	62	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9